

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 10/2023/DS - ST

Ngày: 26 - 9 - 2023.

V/v: “Tranh chấp nợ hui phường”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thom.

Ông Nguyễn Viết Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 26/9/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2023/TLST-DS ngày 01/ 6/2023, về việc “*Tranh chấp nợ hui phường*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX- ST ngày 07/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST- ST ngày 18/9/2023.

Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị D – sinh năm 1953.

Địa chỉ: Khu phố Thành Thắng, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A, là Luật sư của Công ty Luật TNHH 24-Thanh Hóa.

Người được cử tham gia tố tụng: Bà Ngô Thị N - Sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Công ty Luật TNHH 24 - Số 69/172 đường Phú Diễm, phường Phú Diễm, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị T - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố Thành Thắng, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị H - sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ Dân Phố Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. (ủy quyền cho Bà N như nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phan Thị D; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H, trình bày: Mẹ con nhà tôi và chị Phan Thị Tâm, (Tôi Doan là em ruột của bố đẻ chị Tâm). Chị Tâm lập hội phường rủ mẹ con nhà tôi và nhiều người khác tham gia. Chị Tâm là chủ hội. Tôi tham gia đóng hui phường từ tháng 10/2017 mỗi tháng đóng 20.000.000đồng, con gái tôi Hương gửi tiền về cho tôi đóng hui từ

tháng 02/2018 mỗi tháng 15.000.000đồng, thì tháng 3/2019 chị Tâm tuyên bố vỡ nợ và không thanh toán lại số tiền cho mẹ con tôi. Tại giấy khất nợ ngày 10/4/2019 chị Tâm nợ 535.000.000đồng tiền gốc, lãi 110.000.000đồng, hàng năm chị Tâm phải thanh toán nợ vào ngày 10/4 hàng năm cho tôi.

Nay, nợ đến hạn của ngày 10/4/2022 là 130.000.000đồng và ngày 10/4/2023 là 145.000.000đồng. Tổng cộng là 275.000.000đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 110.000.000đồng; lãi chậm trả đối với khoản nợ ngày 10/4/2022 là 130.000.000đồng tính đến 10/4/2023 x 10%/năm = 13.000.000đồng.

Do đó, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị T phải có trách nhiệm trả cho tôi tổng số tiền là 398.000.000.000đồng.

Bị đơn chị Phan Thị T, trình bày: Tôi là chủ hội phường, mẹ con nhà bà D có tham gia hội phường nhiều năm với tôi, do dịch bệnh covid tôi làm ăn không thuận lợi, xảy ra sự cố. Hiện nay tôi còn nợ tiền gốc của mẹ con nhà bà Doan là 275.000.000đồng là đúng. Do hiện nay tôi không có việc làm thường xuyên lao động tự do thu nhập không ổn định nên không có tiền để trả cho bà Doan một lần, tôi xin trả mỗi tháng 2.000.000đồng tiền gốc, còn tiền lãi phát sinh 110.000.000đồng tại Bản án dân sự số 03/2021/DS-ST ngày 09/3/2021 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2022/QĐST-DS ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa bà Doan không yêu cầu tính lãi nên tôi không đồng. Đối với khoản tiền lãi chậm trả của khoản nợ đến hạn ngày 10/4/2022, còn đối với số tiền gốc tôi cố gắng trả trong thời gian sớm nhất có thể.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên không thống nhất được phương án trả nợ nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa mà sớm đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là quan hệ pháp luật về việc «*Tranh chấp nợ hội phường*» theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện:* Xuất phát từ nguyện vọng góp hội phường. Nay bà D yêu cầu bà T phải thanh toán nợ đến hạn của ngày 10/4/2022 là 130.000.000đồng và ngày 10/4/2023 là 145.000.000đồng. Tổng cộng 275.000.000đồng tiền gốc và yêu cầu trả lãi 110.000.000đồng trên tổng số tiền gốc 535.000.000đồng (Theo giấy khất nợ ngày 10/4/2019); lãi chậm trả của khoản nợ ngày 10/4/2022 là 130.000.000đồng tính đến hết ngày 26/9/2023 là 18.994.444đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phan Thị T thừa nhận nợ số tiền gốc 275.000.000đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi 110.000.000đồng (Theo giấy khất nợ ngày 10/4/2019), tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 09/3/2021 và Quyết định công

nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2022/QĐST-DS ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, bà D đã không yêu cầu trả lãi. Nay, đại diện bên nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 110.000.000đồng là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với khoản nợ ngày 10/4/2022 là 130.000.000đồng, yêu cầu chị T phải trả số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/4/2022 đến hết ngày 26/9/2023 là 18.994.444đồng là phù hợp theo quy định tại điều 468 của BLDS nên được HĐXX chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 39; 207; 227; 228; 271 ; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 471; 357; 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D. Buộc bà Phan Thị T, phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Phan Thị D tổng số tiền nợ hội phường là 293.994.444đ (Hai trăm chín mươi ba triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn bốn đồng; Trong đó tiền gốc 275.000.000đồng; lãi chậm trả 18.994.444đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Tâm không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ngoài số tiền phải thi hành án, bà Tâm còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo sự thỏa thuận của các bên đương sự hoặc theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Phan Thị T, phải chịu (đã làm tròn số) là 14.699.000đ (Mười bốn triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSNDTPSS;
- THADSTPSS;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thị Cúc; Nguyễn Viết Mai

Bùi Thị Thuyền